

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ PHƯỚC LONG
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 17/2021/DS-ST

Ngày 07-5-2021

V/v: “Tranh chấp hợp đồng
dân sự về vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHƯỚC LONG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Trần Ánh Nguyệt

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Ngàn

Bà Phạm Thị Hà

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Vân – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phước Long tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Lợi – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 14/2020/TLST-DS ngày 03 tháng 11 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2021/QĐXXST-DS ngày 31 tháng 3 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2021/QĐST-DS ngày 20 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng S (Viết tắt là S)

Địa chỉ: 266-268 N, Phường 8, Quận 3, Tp.HCM.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Anh Trần Tiến M – Chuyên viên quản lý nợ Ngân hàng S là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 3909/2019/GUQ-PL ngày 16/12/2019 và số 368/GUQ-CNBP ngày 23/7/2020) (có mặt)

Địa chỉ liên hệ: Khu phố T, phường P, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Thu T, sinh năm 1960 (vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 3, khu phố 6, thị trấn B, huyện Phước Long, tỉnh Bình Phước.

Nay là khu phố 6, phường P, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

NHẬN THẤY

Theo đơn khởi kiện ngày 23 tháng 7 năm 2020 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là anh Trần Tiến M trình bày:

Ngày 11/11/2010, giữa Ngân hàng S – chi nhánh Bình Phước (sau đây viết tắt là S Bình Phước) và bà Nguyễn Thị Thu T ký kết hợp đồng tín dụng số LD1031500134 với nội dung: Bà T vay của S số tiền 50.000.000 đồng với hình thức vay không bảo đảm

trong thời hạn 36 tháng để tiêu dùng với lãi suất là 1,2%/tháng; phương thức trả nợ được thỏa thuận như sau: vốn gốc và lãi được chia thành 36 kỳ, mỗi kỳ tương đương 01 tháng, kỳ trả nợ đầu tiên vào ngày 30/12/2010, các kỳ tiếp theo là vào ngày 30 hàng tháng, kỳ trả nợ cuối cùng là ngày 11/11/2013, số tiền phải trả mỗi kỳ là 1.988.000 đồng, riêng kỳ cuối là 2.020.000 đồng.

Trong quá trình vay vốn, bà T đã thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo đúng như thỏa thuận đã ký kết, đã trả được 32 kỳ đúng thời hạn với tổng số tiền 63.616.000 đồng, trong đó nợ gốc là 44.416.000 đồng và tiền lãi là 19.200.000 đồng. Tuy nhiên, đến kỳ thứ 33 tức ngày 30/8/2013 bà T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi nên khoản vay gốc còn lại đã chuyển nợ quá hạn kể từ ngày 31/8/2013. S Bình Phước đã nhiều lần liên hệ tạo điều kiện về thời gian cho bà T thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng bà T vẫn không thực hiện.

Do đó, S yêu cầu Tòa án nhân dân thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước giải quyết: Buộc bà Nguyễn Thị Thu T phải trả cho S tổng số tiền là 17.249.759 đồng, trong đó nợ gốc là 5.584.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 2.400.000 đồng, tiền lãi quá hạn tính đến ngày 07/5/2021 là 9.265.759 đồng; và tiền lãi tiếp tục phát sinh kể từ ngày 08/5/2021 cho đến khi bà T trả hết nợ theo mức lãi suất quá hạn đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số LD1031500134 ký ngày 11/11/2010.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Thu T đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt nên không có ý kiến trình bày.

Phát biểu của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Tuân thủ quy định pháp luật, đồng thời nhận thấy yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

XÉT THẤY

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền vay theo hợp đồng tín dụng đã ký kết và mục đích vay vốn là tiêu dùng. Do đó, đây là vụ án tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Theo như tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập được thì tại thời điểm nguyên đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn không có mặt tại nơi cư trú do nguyên đơn xác định trong đơn khởi kiện và không xác định được nơi cư trú hiện nay của bị đơn. Tuy nhiên, lại xác định được nơi cư trú của bị đơn tại thời điểm xác lập giao dịch là tổ 3, khu phố 6, thị trấn B, huyện Phước Long, tỉnh Bình Phước (nay là khu phố 6, phường P, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước), và trong quá trình thực hiện giao dịch đến thời điểm hiện tại bị đơn không thông báo địa chỉ mới cho nguyên đơn trong khi vẫn còn nghĩa vụ đối với nguyên đơn. Do đó, Hội đồng xét xử xác định đây là trường hợp bị đơn cố tình che giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ đối với nguyên đơn và nguyên đơn khởi kiện tại Tòa án nơi bị đơn cư trú cuối cùng là phù hợp với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 40 và điểm e khoản 1 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước và vẫn tiến hành giải quyết theo thủ tục chung.

[3] Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[4] Theo quy định tại Điều 429 Bộ luật dân sự, thời hiệu khởi kiện về hợp đồng là 03 năm, kể từ ngày người có quyền yêu cầu biết hoặc phải biết quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm. Tuy nhiên, tại Điều 184 Bộ luật tố tụng dân sự quy định Tòa án chỉ áp dụng quy định về thời hiệu theo yêu cầu áp dụng thời hiệu của một bên hoặc các bên. Trong vụ án này, các đương sự không ai yêu cầu Tòa án áp dụng quy định về thời hiệu, do đó Hội đồng xét xử vẫn xem xét giải quyết các tranh chấp liên quan đến hợp đồng mà các bên đã ký kết theo quy định chung.

[5] Căn cứ vào hợp đồng tín dụng số LD1031500134 ngày 11/11/2010 cùng bảng kê chi tiết số tiền đã trả của khách vay do nguyên đơn cung cấp, Hội đồng xét xử xác định: Bà T có vay của S số tiền 50.000.000 đồng với hình thức vay không bảo đảm trong thời hạn 36 tháng kể từ ngày 11/11/2010 với lãi suất là 1,2%/tháng nhằm mục đích tiêu dùng, và bà T đã thực hiện được 01 phần nghĩa vụ trả nợ; do đó có thể thấy hai bên đã tự nguyện thực hiện giao dịch trên và tuân thủ đúng quy định về nội dung cũng như hình thức hợp đồng theo quy định tại Điều 11, Điều 17 Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng ban hành theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 nên Hội đồng xét xử công nhận hợp đồng vay có kỳ hạn trên giữa S Bình Phước và bà T là có thật và hợp pháp, vì vậy sẽ làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên đã ký kết hợp đồng.

Theo như thỏa thuận thì Bà T phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền vay gốc 50.000.000 đồng và tiền lãi trong 36 tháng tương đương 36 kỳ, tuy nhiên đến nay bà T mới thanh toán được 32 kỳ, các kỳ còn lại đều đã đến hạn và khoản vay đã chuyển sang nợ quá hạn từ ngày 31/8/2013, như vậy bà T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo như thỏa thuận tại hợp đồng đã ký kết, do đó Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp với thỏa thuận do hai bên đã ký kết và quy định tại Điều 13, Điều 25 Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng ban hành theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 nên cần chấp nhận. Buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc còn lại là 5.584.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 2.400.000 đồng và tiền lãi quá hạn phát sinh tính đến ngày 07/5/2021 là 9.265.759 đồng; và tiền lãi tiếp tục phát sinh từ ngày 08/5/2021 cho đến ngày trả hết nợ theo mức lãi suất quá hạn đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số LD1031500134 ngày 11/11/2010.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, Điều 40; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các điều 11, 13, 17, 25 Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng ban hành theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 được

sửa đổi, bổ sung theo Quyết định 127/2005/QĐ-NHNN ngày 03/02/2005; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng S.

Buộc bà Nguyễn Thị Thu T có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng S tại chi nhánh Bình Phước số tiền 17.249.759 đồng (*Mười bảy triệu hai trăm bốn mươi chín nghìn bảy trăm năm mươi chín đồng*), trong đó nợ gốc là 5.584.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 2.400.000 đồng và tiền lãi quá hạn là 9.265.759 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quá hạn mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng số LD1031500134 ngày 11/11/2010 (Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay).

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Thu T phải chịu 862.488 đồng (*Tám trăm sáu mươi hai nghìn bốn trăm tám mươi tám đồng*).

Ngân hàng S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Chi cục thi hành án dân sự thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước hoàn trả cho Ngân hàng S số tiền tạm ứng án phí 407.000 đồng (*Bốn trăm lẻ bảy nghìn đồng*) mà Ngân hàng đã nộp theo biên lai thu tiền số 0007xxx ngày 03 tháng 11 năm 2020.

3. Nguyên đơn có mặt quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án 07/5/2021. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày kể từ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

“Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Bình Phước;
- VKSND thị xã Phước Long;
- Chi cục THADS thị xã Phước Long;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Nguyễn Trần Ánh Nguyệt